

Số: 2193/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi tiền hỗ trợ chi phí học tập kỳ I năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ Quy định về mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐHDL ngày 16/01/2020 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, được điều chỉnh bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 831/QĐ-ĐHDL ngày 27/05/2024;

Căn cứ biên bản số 2457/BB-ĐHDL ngày 10/12/2024 của Hội đồng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg cho 16 sinh viên (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: 112.320.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Điều 2. Thời gian chi tiền hỗ trợ chi phí học tập là 05 tháng của học kỳ I năm học 2024-2025.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng CTSV; Phòng KH-TC; Phòng QLĐT; các Khoa và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các PHT (để biết);
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Lãnh PTD (02).



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 2193/QĐ-ĐHDL ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên		Tên lớp	Đối tượng	Lương cơ bản (VNĐ)	Tỷ lệ	Số tháng	Số tiền được nhận (VNĐ)
1	20810000038	Mùi Thị	Dung	D15QLSX&TN	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
2	21810810213	Lý Hà	Thư	D16KTDN4	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
3	21810310147	Tào Văn	Trường	D16QTANM	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
4	21810180543	Giàng Văn	Giàng	D16DCNDD1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
5	21810640316	Sần Xe	Xá	D16QLDA&CTXD	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
6	21810180253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	D16H3	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
7	22810310019	Lò Văn	Anh	D17CNPM1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
8	22810110121	Trần Xuân	Son	D17H1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
9	22810860002	Lường Thị	Hà	D17KDTMTT1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
10	22810170107	Dì A	Deo	D17TDHHTD1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
11	23810830218	Hoàng Thị Phương	Thảo	D18KT&KS	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
12	23810000022	Bùi Thị Mai	Linh	D18QTDVDL&LH1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
13	23810810076	Lò Thị	Hạnh	D18KTDN1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
14	23810840146	Hoàng Thùy	Linh	D18NGANHANG	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
15	24810670133	Bùi Duy	Khánh	D19CODCT	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
16	24819120095	Nguyễn Khánh	Toàn	D19DIENLANH2	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
TỔNG									112.320.000
Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng./.									

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Diệu Linh

PHÒNG CTSV



Phùng Thị Xuân Bình

PHÒNG KHTC




Lê Văn Nhất

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu